

Một số vấn đề

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRONG NGÀNH TIÊU - THỦ CÔNG NGHIỆP

TRẦN ĐỨC VINH

Sản phẩm của ngành T - TCN chiếm một khối lượng lớn hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Chất lượng của các sản phẩm của khu vực này được tác giả phân tích kỹ từ các nguyên nhân gây ra và hướng khắc phục để không ngừng nâng lên cả về kỹ thuật và mỹ thuật. Phải xử lý tận gốc của vấn đề này từ nghiên cứu áp dụng TBKT, đào tạo người thợ có bài bản, hệ thống đến quản lý chất lượng toàn diện theo hướng kiểm tra, phát hiện để khắc phục triệt để từ đầu. Có như vậy CLSP ở khu vực này mới tiến bộ và đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế được.

1. **K**HU vực tiêu - thủ công nghiệp (T - TCN) mà đại bộ phận là thuộc về các HTX, tổ hợp tác và các cơ sở sản xuất tư nhân, cá thể, gia đình... sản xuất ra một khối lượng lớn sản phẩm thuộc nhiều ngành kinh tế - kỹ thuật khác nhau phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Không ít HTX và các cơ sở sản xuất T - TCN do chú trọng đầu tư khoa học - kỹ thuật, làm tốt công tác quản lý và tổ chức sản xuất nên đã sản xuất ra nhiều sản phẩm có chất lượng và ổn định, được tín nhiệm trên thị trường. Hàng nghìn sản phẩm đã được tặng thưởng huy chương vàng, bạc, đồng tại các kỳ Hội chợ triển lãm thành tựu kinh tế - kỹ thuật Việt Nam ở Giảng Võ (Hà Nội). Hàng chục sản phẩm được tặng thưởng huy chương tại các kỳ Hội chợ quốc tế, hàng chục sản phẩm khác được cấp dấu chất lượng Nhà nước cấp 1 và cấp cao. Song nếu đánh giá một cách tổng quát thì chất lượng sản phẩm của khu vực này, còn không ổn định và kém, không đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Việc sản xuất hàng giả, hàng dỏm vẫn còn tồn tại ở không ít cơ sở - nhất là khu vực tổ hợp, tư nhân, cá thể. Nhiều sản phẩm không có nhãn hiệu hoặc mang giả nhãn hiệu

của nơi khác để đánh lừa người tiêu thụ. Đối với hàng xuất khẩu, nhất là hàng thủ công mỹ nghệ còn nhiều lỗi sản phẩm kém cả về chất lượng lẫn giá trị thẩm mỹ. Bao bì đóng gói thì sơ sài và xấu, không đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Gần đây, hàng của nước ngoài tràn ngập vào trong nước, các cơ sở sản xuất T - TCN của ta đứng trước một thử thách nghiêm trọng về chất lượng kỹ thuật, tính bền, tính đẹp, tính thực dụng và giá cả. Nhiều loại sản phẩm T - TCN khó tiêu thụ vì chất lượng và giá cả. Việc phấn đấu để nâng cao chất lượng sản phẩm của nước ta nói chung và của khu vực T - TCN nói riêng đã trở nên rất cấp bách, nó quyết định sự tồn tại hay không của các cơ sở sản xuất. Không phải ngẫu nhiên mà sau khi xem Hội thi - Triển lãm tiêu thủ công mỹ nghệ toàn quốc lần thứ 2 tại Giảng Võ (Hà Nội) đồng chí Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Võ Nguyên Giáp đã ghi: «Tôi nhấn mạnh: chất lượng, chất lượng và chất lượng» trong sổ vàng lưu niệm.

2. Từ trước đến nay khi nói đến chất lượng sản phẩm T - TCN, nhiều người thường hay nhấn mạnh đến những khuyết tật cụ thể như hàng mây tre đan bị mốc mọt, hàng sơn mài

bị công venh, hàng cơ kim khí thì kém chính xác và giá trị sử dụng thấp. Khi phân tích đến nguyên nhân, thì các nhà quản lý thường nhấn mạnh ở mặt tiêu cực của người thợ, như không thực hiện đúng quy trình công nghệ, bớt xén hoặc ăn cắp nguyên vật liệu, còn về phía các nhà sản xuất thì thường quy về khâu vật tư nguyên liệu không đạt yêu cầu và giá cả thu mua thấp.

Đó là thực tế mà ngành T—TCN đã, đang và sẽ phải kiên quyết khắc phục. Song nếu chỉ giới hạn như vậy thì e rằng vấn đề nâng cao chất lượng sản phẩm sẽ không được giải quyết một cách cơ bản từ cái gốc của nó.

Nhiều nhà nghiên cứu đã kết luận rằng mức chất lượng sản phẩm phụ thuộc vào:

— Trình độ trang bị cơ sở vật chất của nền kinh tế quốc dân.

— Trình độ thành thạo và điều luyện tay nghề của người lao động.

— Trình độ tổ chức và quản lý sản xuất.

Như vậy cái «lỗi» để đảm bảo chất lượng sản phẩm là vấn đề trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất, là sự tác động của KHKI vào sản xuất và các điều kiện vật chất khác đảm bảo cho chất lượng sản phẩm như vật tư, nguyên liệu.

Nếu không đầu tư KHKI vào sản xuất mà chỉ thuần túy dựa vào đôi «bàn tay vàng» không thôi thì khó lòng giải quyết được cơ bản vấn đề chất lượng sản phẩm của T—TCN. Các đồng chí ở Bungari nhấn mạnh rằng: Cuộc chiến đấu cho chất lượng cao bắt đầu từ lúc khai thác nguyên liệu, chọn các giống cây trồng, vật nuôi và trải qua tất cả các giai đoạn tiếp sau đó. Tương tự, ở Nhật Bản đã từng có viện nghiên cứu chuyên về cây tre. Họ nghiên cứu đất trồng tre, giống cây tre, cách chăm bón sao cho thân tre đều, không bị nứt, không bị mọt, cho đến toàn bộ công nghệ và thiết bị gia công chế biến sau đó.

Để đảm bảo chất lượng ổn định từ khi làm hàng mẫu đến khi sản xuất hàng loạt lớn, vấn đề cơ bản là phải đầu tư KHKI phải có trang thiết bị và ứng dụng các tiến bộ KHKI vào sản xuất. Tam mảnh của ta được chế hoàn toàn thủ công thì không thể đảm bảo độ đồng đều bằng của nước ngoài được chế bằng máy. Những người thợ sơn mài phải quanh năm suốt tháng ngồi ngâm tay dưới nước để mài các tấm sơn, mặc cho ngày đông tháng giá, thì không thể nâng cao chất lượng lên hơn được. Không có sự cải tiến đáng kể trong khâu tổ chức sản xuất cốt vóc thì việc nâng cao chất lượng sản phẩm sơn mài cũng chưa có cơ sở. Các hãng tiêu công nghiệp làm gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu ở Đài Loan, Nam Triều Tiên, Hồng Kông

phần lớn đều đã sử dụng lò điện, lò ga để nung đồ sứ, nên chất lượng sản phẩm của họ tất nhiên sẽ đẹp hơn, tốt hơn hàng gốm sứ mỹ nghệ của ta vẫn nung trong lò thủ công, đốt than, đốt củi.

Vấn đề tồn tại là, cho đến nay nước ta chưa có một cơ sở Nghiên cứu—Triển khai (R—D) nào chuyên nghiên cứu phục vụ cho khu vực T—TCN; kể cả nghiên cứu lựa chọn «Công nghệ thích hợp» của các hãng sản xuất nhỏ ở nước ngoài, nhất là trong khu vực châu Á—Thái Bình Dương để vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Hàng loạt vấn đề về trang thiết bị, công cụ để phục vụ chế biến nguyên liệu hay sử dụng trong sản xuất thủ công và thủ công mỹ nghệ như ngành sơn mài, sơn mài, điêu khắc, chèo cửi, la buông dệt...; hàng loạt vấn đề về xử lý nguyên liệu, phối liệu trong sản xuất sành, gốm sứ dân dụng và mỹ nghệ; hàng loạt vấn đề về các loại lò nung, sấy, trong sản xuất gốm sứ thủy tinh, vật liệu xây dựng... hiện còn đang cộm lên ở mỗi cơ sở sản xuất mà không có một tổ chức nào đứng ra nghiên cứu một cách có hệ thống, tìm ra các giải pháp tối ưu trong sản xuất. Chúng tôi nghĩ rằng Hội đồng Trung ương của khu vực kinh tế hợp tác và tư nhân phải có trách nhiệm đứng ra tổ chức cơ quan nghiên cứu triển khai này trên cơ sở liên kết và tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan nghiên cứu triển khai của các bộ các ngành. Nên chăng có thể động viên khuyến khích các nhà khoa học đứng ra lập các tổ chức R—D tư nhân như các xí nghiệp sản xuất tư nhân khác tạo nên một hệ thống 3 lực lượng các tổ chức R—D trực tiếp phục vụ cho khu vực kinh tế này. Những thí dụ về đầu tư KHKI để nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển sản xuất không phải là hiếm có ở các địa phương: HTX nhựa Minh Phương (Hà Nội), HTX cơ khí Quê Hương (thành phố Hồ Chí Minh) nhờ có đầu tư trang thiết bị, công nghệ mới mà đưa sản lượng của mình lên gấp 4—5 lần trong vòng 5 năm. Các HTX có sản phẩm được cấp đầu ch. t lượng cấp I và cấp cao của Nhà nước đều đầu tư mạnh vào KHKI.

Hiện nay phần đông các cơ sở sản xuất T—TCN còn ở mức trang bị nghèo nàn, chắp vá, không đồng bộ, chủ yếu vẫn là sản xuất «thủ công», trình độ kỹ thuật của sản xuất và sản phẩm hàng chục năm vẫn dậm chân tại chỗ. Có thể nói là các cơ quan KHKI tác động vào khu vực sản xuất rộng lớn này còn quá ít ỏi. Phương hướng tiến lên của T—TCN là hiện đại và tinh xảo, song những người thợ thủ công không thể tự mình tiến lên hiện đại và tinh xảo được nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước và

nền công nghiệp quốc doanh. Các đồng chí đại diện Đảng cộng sản Nhật Bản khi tiếp cận với một số cơ sở sản xuất T-TCN của ta có nhận xét rằng: «Các HTX tự trang bị chế là tốt, song các cơ quan KHKI phải có trách nhiệm. Thiếu nhiều thiết bị công nghệ, thiếu dụng cụ đo kiểm, thiếu trường dạy nghề cổ truyền... Bộ phận khuôn mẫu, mạ, nhiệt luyện còn quá thô sơ. Sản xuất như vậy thì khó mà tồn tại và khó mà cạnh tranh trên thị trường được».

Cũng do không được đầu tư KHKI nên nhiều khả năng, tiềm năng của ta không thể biến thành hiện thực và không phát huy lên được. Nhiều mặt hàng thủ công mỹ nghệ của ta được khách quốc tế ưa thích ca ngợi, nhưng khi yêu cầu kỹ hợp đồng với khối lượng lớn thì không đáp ứng được tiến độ giao hàng, hoặc khi sản xuất hàng loạt lớn thì chất lượng không ổn định, hoặc sút kém dần so với mẫu đã chào hàng hoặc triển lãm, Việt Nam có đội ngũ những người dệt thảm len tại ba, khéo tay. Thảm len của Việt Nam đã từng được thưởng huy chương vàng tại một số hội chợ quốc tế với lời ghi nhận: «Phẩm chất tuyệt vời». Song Việt Nam vẫn chưa có tên trong danh sách 25 nước xuất khẩu nhiều thảm len trên thế giới vì sản lượng của ta vẫn chưa lớn. Giá trị của những tiềm năng, khả năng chỉ có ý nghĩa khi nó tiến lên sản xuất hàng hóa với chất lượng kỹ, mỹ thuật ngày càng hoàn thiện, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội lớn.

3. Chất lượng sản phẩm T-TCN, nhất là hàng thủ công mỹ nghệ đòi hỏi phải có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ thuật và mỹ thuật, đòi hỏi phải có giá trị thẩm mỹ cao.

Nhiều mặt hàng thủ công mỹ nghệ của ta hiện nay thường là đơn điệu, mẫu mã dễ tái đi tái lại, gần đây có khuynh hướng sao chép các đề tài truyền thống, «phục cổ» một cách thiếu chọn lọc, nhiều loại lại không phù hợp với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng ở thị trường mà ta xuất, nhiều mặt hàng tuy đẹp và tinh xảo, nhưng giá trị sử dụng và sự tiện lợi thì lại thua kém hàng nước khác.

Việc nâng cao giá trị thẩm mỹ của sản phẩm nói riêng và nâng cao chất lượng sản phẩm nói chung đòi hỏi phải có sự chăm lo đặc biệt tới công tác đào tạo nghề nghiệp cho thợ thủ công. Công tác này hiện nay chưa được quan tâm đầy đủ. Hệ thống đào tạo cho khu vực T-TCN chưa hình thành. HTX tổ chức đào tạo theo yêu cầu riêng, phổ biến là dạy theo lối «truyền nghề», hoặc «kèm cặp», phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ kinh nghiệm hoặc trình độ tay nghề của người «thợ - thầy», vừa tốn công vừa không cơ bản, không hệ thống, không khoa học (mặc dù ta không nên phủ nhận hoàn toàn và

loại bỏ hình thức đào tạo này). Do đó mà người thợ được đào tạo có chất lượng (tay nghề và kiến thức) thấp, người thợ ấy chẳng qua chỉ là «bản sao chép» người «thợ - thầy» với đầy đủ các điểm mạnh và yếu của người «thợ - thầy», hoàn toàn không phù hợp với tính chất và yêu cầu của nền kinh tế hàng hóa, trong giai đoạn cách mạng khoa học - kỹ thuật phát triển như vũ bão hiện nay.

Những người thợ được đào tạo thường không có kiến thức về khoa học thẩm mỹ, không có hay ít có khả năng tư duy sáng tạo, nhiều trường hợp không kế thừa tốt các kinh nghiệm và trình độ tay nghề của các lớp nghề nhân đi trước. Đó cũng là một nguyên nhân sâu xa khiến nhiều ngành nghề truyền thống bị mai một, tri tri, dăm dăm tại chỗ, năng suất thấp, chất lượng kém, giá trị thẩm mỹ không cao, không theo kịp những sự thay đổi của thị hiếu thị trường. Trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, cần phải chuyển hướng đào tạo theo kiểu truyền nghề sang đào tạo cơ bản từ thấp lên cao, đồng thời tạo điều kiện để các nghệ nhân cũng tham gia đào tạo bồi dưỡng bên cạnh các giáo viên chuyên nghiệp của trường. Cần phải nghiên cứu để biên soạn bộ giáo trình ứng dụng khoa học thẩm mỹ vào việc đào tạo bồi dưỡng thợ thủ công mỹ nghệ phù hợp với các điểm của lịch sử đặc tính của con người Việt Nam.

Để đảm đương công việc này, ở Liên hiệp xã T-TCN Trung ương đã thành lập một Viện Mỹ nghệ. Song do nhận thức và tác khó khăn khác, nên đó chỉ là một Viện lẻ tẻ dăm ba người, hoạt động rời rạc, và đang ở trong tình trạng «sống dở chết dở». Chúng tôi nghĩ việc xây dựng Viện này thành một Viện có tầm cỡ cần được các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật của Nhà nước và Hội đồng trung ương các HTX T-TCN nghiên cứu và quyết định.

Trong những năm qua, trong hoàn cảnh khó khăn, Viện cũng đã đầu tư nghiên cứu đề tài «nghiên cứu ứng dụng khoa học thẩm mỹ vào thủ công mỹ nghệ». Đề tài này theo đánh giá của nhiều chuyên gia là: cơ bản, đúng hướng và có hiệu quả, mở ra một hướng đi mới trong việc bồi dưỡng lớp nghề nhân thế giới. Ứng dụng kết quả này, Viện đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày (3 tháng) cho các nghệ nhân thợ giỏi nhiều tỉnh phía bắc và 2 lớp đào tạo cho thợ thủ công Cu Ba đạt kết quả tốt. Qua lớp bồi dưỡng này ưu thế về trình độ tay nghề, năng lực tư duy sáng tạo và trình độ thẩm mỹ của học viên vượt hẳn lên so với các lớp đào tạo xưa và nay ở trong ngành.

Ở các cơ sở và địa phương trong những năm qua cũng đã xuất hiện một số mô hình tốt về công tác đào tạo bồi dưỡng thợ thủ công theo

hướng đưa dần ngành T-TCN tiến lên tinh xảo và hiện đại. Trong đó có mô hình kết hợp giữa HTX Đồng Thành, Anh Hồng ở Quảng Ninh với Trường đại học kỹ thuật công nghiệp trong việc đào tạo lớp thợ mới, đào tạo cán bộ kỹ thuật, bồi dưỡng lớp thợ giỏi, đã góp phần quan trọng vào việc phát triển sản xuất của HTX với nhiều mẫu mã đề tài mới, kiểu dáng sản phẩm mới có chất lượng cao. Mô hình này cần được tổng kết rút kinh nghiệm, bổ sung hoàn chỉnh để nhân rộng ra trên nhiều cơ sở, địa bàn trong nước.

4. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm, những năm qua Nhà nước và các cấp, các ngành đã triển khai một số công việc và đã thu được một số kết quả trong việc phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhưng trong thực tế, khi thực hiện, nhiều biện pháp chỉ mang tính chất đối phó một cách bị động, và lại tiến hành cò lập với nhau, không có sự phối hợp đồng bộ, nên chưa thể tạo ra được một sự chuyển biến cơ bản.

Chất lượng sản phẩm là kết quả tổng hợp của các hoạt động có liên quan của nền kinh tế quốc dân. Để tăng cường công tác này, thì sự phối hợp giữa các ngành có liên quan là rất quan trọng. Đối với khu vực T-TCN đang chú ý là sự phối hợp giữa cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật trong việc đăng ký chất lượng sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, với chính quyền địa phương trong việc xét cấp đăng ký sản xuất kinh doanh và cơ quan quản lý thị trường đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường. Chỉ thị 222 - CT ngày 6-8-1988 của Chủ tịch hội đồng bộ trưởng về các biện pháp cấp bách nhằm củng cố và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa có ghi rõ: "Sản phẩm của các cơ sở sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế trước khi sản xuất hàng loạt đưa ra tiêu thụ đều phải được cơ quan quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cấp giấy đăng ký chất lượng và phải có nhãn hiệu". Quyết định 1311/KHKT - QĐ của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước cũng quy định "tất cả các sản phẩm của các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế đều phải được đăng ký chất lượng sản phẩm". Song không nên hiểu: sản phẩm đã được đăng ký chất lượng là đương nhiên đạt mức chất lượng ấy. Nhiều cơ sở sản xuất T-TCN, người ta viện lý lẽ vì sản phẩm đã được đăng ký chất lượng thì hà tất phải kiểm tra chất lượng khi xuất xưởng? Một vấn đề đáng lưu ý nữa là hiệu lực của các quy định, chỉ thị nêu trên như thế nào?

Nếu các cơ sở không thực hiện các quyết định, chỉ thị ấy thì ai đứng ra xử phạt, xử phạt như thế nào?

Thực tế là không có hoặc rất hiếm có các vụ

vi phạm bị xử lý, do đó không có tác động thúc đẩy các cơ sở sản xuất phấn đấu tăng cường công tác quản lý để nâng cao chất lượng sản phẩm. Miếng đất của sự làm ăn dối trá, làm hàng xấu, hàng dỏm, hàng giả vẫn còn, để cho các cơ sở, cá nhân làm ăn không chính đáng bám vào tác oai tác quái cho xã hội, cho người tiêu dùng. Họ đã dùng đủ mọi thủ đoạn để đánh lừa người tiêu dùng, và nhiều khi họ lại còn thu được những món lợi kếp sù trên sự đau khổ của người tiêu dùng. Song song với việc khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế, phải đồng thời tăng cường các mặt công tác quản lý, tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, xử lý thật thối nát những vụ vi phạm thì sự phát triển trên mới có thể lành mạnh được. Một khi nền kinh tế nhiều thành phần được bung ra mạnh mẽ, thì cũng đã đến lúc Nhà nước ta nên nghiên cứu ban hành các chính sách hay bộ luật về «bảo vệ quyền của người tiêu dùng» trong đó có «quyền được lựa chọn sản phẩm và dịch vụ với giá thỏa đáng và được bảo đảm về chất lượng tương xứng»; «quyền được bảo vệ, chống lại việc bán những hàng hóa và cung cấp dịch vụ nguy hiểm tới sức khỏe và tính mạng con người»...

Trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm chúng ta thường có khuynh hướng chỉ nhấn mạnh vào việc loại bỏ những sai sót cụ thể của sản phẩm hoàn chỉnh; nhấn mạnh ở khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi nhập kho hay xuất xưởng. Do đó việc tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm không có tác dụng chủ động thúc đẩy mà chỉ gây được tác dụng đối phó bị động mà thôi. Vấn đề cần được quan tâm là những việc đó cần phải được tiến hành song song với việc triển khai các biện pháp phòng ngừa theo thứ tự của chu trình công nghệ. Nói một cách khác việc nâng cao chất lượng sản phẩm phải được đảm bảo một cách tổng hợp trong tất cả các giai đoạn của quá trình tái sản xuất. Theo kinh nghiệm của một số nước công nghiệp phát triển thì trong tổng số các biện pháp để đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm thì 75% thuộc về tìm tòi các giải pháp kỹ thuật, công nghệ; 20% thuộc về tiến hành công tác kiểm tra các quá trình sản xuất còn 5% hoặc ít hơn mới thuộc về khâu nghiệm thu cuối cùng của sản phẩm. Có nơi có lúc người ta đã đề cao quá đáng khâu nghiệm thu cuối cùng, coi đó là biện pháp hữu hiệu nhất để tạo nên một sự chuyển biến cơ bản mà coi nhẹ toàn bộ các giải pháp khác nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đối với các cơ sở sản xuất T-TCN công tác quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng

(Xem tiếp trang 20)

cùng các ngành liên quan có kế hoạch đề xây dựng một mạng lưới đo lường, thí nghiệm cho ngành xây dựng trong phạm vi toàn quốc.

6. Có một hệ thống quản lý, giám định chất lượng xây dựng thống nhất trong phạm vi cả nước từ trung ương đến địa phương:

Hiện nay đã có một hệ thống làm công tác đo lường, kiểm tra chất lượng cho các sản phẩm công nghiệp và một phần nhỏ về xây dựng (chủ yếu là một số vật liệu xây dựng). Hoặc là mở rộng, củng cố hệ thống này để đủ sức vươn sang cả lĩnh vực xây dựng, hoặc là hình thành một hệ thống quản lý giám định chất lượng xây dựng trong phạm vi cả nước có sự phối hợp chặt chẽ và được sự chỉ đạo nghiệp vụ của Tổng cục tiêu chuẩn — đo lường — chất lượng.

7. Làm tốt công tác thông tin, tổng kết về chất lượng nói chung và chất lượng xây dựng nói riêng.

Nhiều sai sót được lặp đi lặp lại, có khi cùng một nơi như sập đồ ở văng, sập nóc, bực dầy bề, vỡ đập, các sự cố lún... Đó là do công tác thông tin phổ biến, tổng kết rút kinh nghiệm chưa được coi trọng. Nhiệt điện Phả Lại đã xong 4 tổ máy. Thủy điện Trị An sắp xong và nhiều hạng mục công trình khác đã hoàn thành hoặc đưa vào sử dụng, công tác tổng kết có đặt ra và được nêu lên nhiều lần nhưng đã tiến hành được bao nhiêu. Rồi đây công việc mới lại cuốn, cán bộ phân tán, chần chừ tài sản quý báu về khoa học kỹ thuật này lại sẽ bị bỏ rơi.

Tin chắc rằng về mặt khoa học kỹ thuật được sự quan tâm giải quyết như trên cùng với sự tác động của các mặt khác, việc đổi mới cơ chế trong công tác quản lý xây dựng cơ bản với việc cho phép cạnh tranh kinh doanh của nhiều thành phần kinh tế, chất lượng xây dựng sẽ ngày càng được chú ý và bảo đảm hơn.

Biên tập: Đặng Ngọc Bảo

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHẤT LƯỢNG...

(Tiếp theo trang 16)

thường chỉ tập trung vào một đồng chí Phó chủ nhiệm (có khi là phó chủ nhiệm kỹ thuật) nên thường không thể quan tâm đầy đủ đến việc thực hiện các biện pháp kiểm tra và nâng cao chất lượng sản phẩm suốt cả quá trình sản xuất. Còn việc nghiệm thu sản phẩm cuối cùng để nhập kho thì có khi lại do chủ kho kiểm soát, và việc kiểm tra xuất xưởng thì lại khoán cho cán bộ thu hóa của cơ quan đặt hàng. Do đó, công tác quản lý chất lượng sản phẩm còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo ngay từ trong quá trình sản xuất. Việc sửa chữa khuyết tật của sản phẩm thường là đối phó một cách bị động: sai đâu sửa đấy, hỏng đâu sửa đấy, do đó nhiều khi một dạng khuyết tật của một chủng loại sản phẩm nào đó thường cứ diễn đi diễn lại này mà vẫn không được khắc phục.

Một số cơ sở sản xuất có kinh nghiệm giao khoán sản phẩm kể cả số lượng và chỉ tiêu chất lượng đến mỗi tổ nhóm sản xuất hoặc cá nhân dưới sự giám sát của nhóm kiểm tra chất lượng và hội đồng đánh giá chất lượng. Thành viên của nhóm kiểm tra đều là những thợ giỏi hay cán bộ kỹ thuật không thoát ly sản xuất mà làm kiêm nhiệm định kỳ một số buổi trong tuần. Tất cả các chỉ tiêu về lượng, về thưởng của các tổ sản xuất đều phải căn cứ vào thang điểm kỹ thuật của hội đồng đề tính. Ngoài ra nhóm

và hội đồng còn phải nghiên cứu đề xuất với chủ nhiệm về các biện pháp khắc phục mọi dạng sai hỏng mọi khuyết tật của sản phẩm trên suốt cả dây chuyền sản xuất hay đề xuất các kiến nghị khác về cải tiến trang thiết bị, công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm. Hình thức tổ chức trên không làm tăng thêm tỉ lệ thoát li sản xuất của cơ sở song nó tạo được những tác dụng tích cực nhất định trong công tác quản lý và phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm của cơ sở.

5. Sau một thời gian khuyến khích việc phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế cùng với việc xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp chuyên sang thực hiện hạch toán kinh tế, nền kinh tế nước ta trở nên sống động hơn, năng động hơn. Sự "cạnh tranh" giữa các thành phần kinh tế, giữa các cơ sở sản xuất đã đưa đến việc các cơ sở sản xuất phải tăng cường đầu tư KHKT vào sản xuất để có được nhiều sản phẩm có chất lượng cao hơn, đẹp hơn, giá thành rẻ hơn vì không có con đường nào khác. Trong bối cảnh ấy quyền của người tiêu dùng cũng được đề cao. Người tiêu dùng đã có được các quyền lựa chọn cái mình cần, còn người sản xuất cũng đã biết sợ, sợ sản phẩm của mình thua kém sản phẩm của người khác, không tiêu thụ được thì

(Xem tiếp trang 34)